

Bản án số: **69/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 17/3/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa do không thu thập tài liệu chứng cứ.

Ngày 17/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Lin Wen C, sinh năm 1978 Quốc tịch: Đài Loan

Địa chỉ: Số 37 phố Dụ Dân, xóm 16, phường Nhân Thúc, quận Bản Kiều, thành phố Tân Bắc, Đài Loan. (xin vắng mặt)

Người đại diện nhận văn bản tố tụng của anh L Wen Ching: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L Wen Ching được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tình cảm đôi bên. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ngày

05/8/2015 tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, anh Lin Wen C sang Đài Loan sinh sống, còn chị ở lại Việt Nam chờ làm thủ tục visa rồi sang Đài Loan cùng chồng. Tuy nhiên, sau đó chị không xin được visa sang Đài Loan nên vợ chồng xa cách, nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Sau đó chị quyết định không sang Đài Loan nữa. Hiện nay giữa chị và anh L Wen Ching cuộc sống xa cách, do bất đồng ngôn ngữ dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lin Wen Ching .

- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Lin Wen C có văn bản trình bày:*

Anh là người Đài Loan. Ngày 05/8/2015 anh và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh sang Đài Loan, còn chị T làm thủ tục xin visa để sang cùng anh. Tuy nhiên do không làm được thủ tục nên chị T đã không sang đoàn tụ cùng anh, vợ chồng xa cách nên đã mâu thuẫn. Đến nay giữa anh và chị T không còn tình cảm. Nay chị T có đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang anh có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt, giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lin Wen Ching . Bị đơn anh Lin Wen C là người quốc tịch Đài Loan, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Lin Wen C đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lin Wen C đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh L Wen Ching đăng ký kết hôn ngày 05/8/2015 tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Việc chị Nguyễn Thị Thu T đề nghị ly hôn HĐXX thấy: anh L Wen Ching là người nước ngoài hiện nay sinh sống ở Đài Loan, còn chị Nguyễn Thị Thu T hiện đang sinh sống ở Việt Nam, vợ chồng anh chị mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Anh chị đều xác định hiện nay tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T khởi kiện đề nghị ly hôn, anh Lin Wen C đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lin Wen Ching .

[4]. Về con chung: Chị T và anh L Wen Ching đều xác định không có con chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị T và anh Lin Wen C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lin Wen Ching .

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000212 ngày 25/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Lin Wen C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường